

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày: 06/02/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quang Lịch.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hạnh và bà Vũ Thị Thuý Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Chu Đình S**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1996 tại: tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: **Số F đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: **Chu Xuân T**, con bà: **Trần Thị T1**; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án: Ngày 11/06/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên xử phạt 01 năm tù, về tội Cố ý gây thương tích. Chấp hành xong án phạt tù ngày 28/01/2022.

Tiền sự: Ngày 01/03/2023, **Công an huyện K** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích.

Nhân thân:

- Ngày 09/12/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 02 năm về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Ngày 28/11/2018, **Công an thành phố H** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - **Công an tỉnh H**.

- Có mặt tại phiên Tòa.

Người bị hại:* Anh **Nguyễn Vũ Q, sinh năm 1984.

HKTT: **Thôn V, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên**.

- Vắng mặt tại phiên Tòa.

* Người làm chứng: Ông Chu Xuân T, sinh năm 1960.
Nơi cư trú: Số F đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
- Có mặt tại phiên Toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng chiều ngày 03/8/2023, Chu Đình S, sinh năm 1996, trú tại: Số F, đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên bắt xe taxi đến thôn V, xã B, thành phố H, rồi đi quanh khu vực này với mục đích nếu thấy chủ tài sản sơ hở trong việc quản lý thì sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để có tiền tiêu sài cá nhân. Khoảng 17 giờ cùng ngày, S xuống xe và đi bộ qua khu vực trường Trung học phổ thông Q1 thì thấy nhà anh Nguyễn Vũ Q, sinh năm: 1984, trú tại: thôn V, xã B, thành phố H không đóng cửa, trong lán xe có dựng 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ, đen, trắng, BKS: 89D1-090.99, chìa khoá xe vẫn cắm trong ổ khóa. S quan sát xung quanh không có ai nên đã lén lút vào trong lán xe lấy chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ, đen, trắng, BKS: 89D1-090.99 của anh Q rồi điều khiển xe đi Hà Nội chơi. Do nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật nên ngày 09/8/2023, S đã mang chiếc xe mô tô trên về nhà tại Số F, đường B, phường M cất và bỏ đi Hà Nội. Sau đó S sử dụng điện thoại nhắn tin cho ông Chu Xuân T, sinh năm: 1960, trú tại: Số F đường B phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (là bố đẻ của S) về việc S đã trộm cắp chiếc xe trên tại khu vực thôn V, xã B và nhờ ông T mang trả lại cho chủ xe. Ngày 10/8/2023 ông T đã tìm đến nhà anh Q, qua nói chuyện thì được biết anh Q là chủ sở hữu và bị mất chiếc xe mô tô nên ông T đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Q. Đến ngày 12/09/2023, Chu Đình S đã đến cơ quan Công an thành phố H khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ, đen, trắng, BKS: 89D1-090.99.

Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H, kết luận: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ, đen, trắng, BKS: 89D1-090.99, đã qua sử dụng, trị giá 15.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng của vụ án: Ngày 14/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại anh Nguyễn Vũ Q: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ, đen, trắng, BKS: 89D1-090.99. Anh Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu, đề nghị gì khác liên quan đến trách nhiệm dân sự.

Quá trình trình điều tra Chu Đình S đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKS-TPHY ngày 26/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Chu Đình S về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên đã truy tố bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai. Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX

cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để cải tạo tốt sớm được trở về với gia đình và xã hội.

- Người làm chứng ông **T** khai: Đúng là con ông là **S** có mang 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ, đen, trắng, BKS: 89D1-090.99 về để ở nhà ông rồi bỏ đi. Đến hôm sau **S** đã nhắn tin cho ông qua điện thoại là “ Bỏ mang trả cho con chiếc xe con chót lấy trộm tại khu vực **B** ” và ông đã mang chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ, đen, trắng, BKS: 89D1-090.99 trả cho anh **Q**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên luận tội giữ nguyên quyết định đã truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về chế độ án phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo **Chu Đình S** phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt: Bị cáo **Chu Đình S** từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/11/2023.

- Về vật chứng: Anh **Q** người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì, nên không xem xét giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh **Q** người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nữa, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc bị cáo **Chu Đình S** phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Của Cơ quan điều tra, Điều tra viên **Công an thành phố H**; Viện kiểm sát và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án cùng vật chứng thu giữ được; phù hợp với đơn trình báo và lời khai của người bị hại, của người làm chứng ông **T** là bố đẻ bị cáo. Nên đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 03/8/2023, tại nhà anh **Nguyễn Vũ Q** ở **thôn V, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên**, **Chu Đình S** đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda

Airblade, màu đỏ, đen, trắng, BKS: 89D1-090.99, trị giá 15.000.000 đồng của anh **Nguyễn Vũ Q.**

Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên đã truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản ” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã được nhà nước giáo dục bằng hình phạt tù và xử phạt hành chính nhiều lần, nhưng bị cáo đã không chịu cải sửa mà cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy cần xử lý nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Chu Đình S** có 01 tiền án về tội Cố ý gây thương tích, chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Chu Đình S** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Người bị hại là anh **Nguyễn Vũ Q** có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bố đẻ là ông **Chu Xuân T** được nhà nước tặng 02 Huy chương vì an ninh tổ quốc, 04 Huy chương chiến sĩ vẻ vang. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về vật chứng: Đã trả lại cho người bị hại, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh **Q** người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nữa, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo **S** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh và hình phạt:

- **Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về chế độ án phí Tòa án.

- **Tuyên bố:** Bị cáo **Chu Đình S** phạm tội Trộm cắp tài sản.

- **Xử phạt:** Bị cáo **Chu Đình S** 01 (Một) năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/11/2023.

[2]. **Về vật chứng:** Đã trả lại cho người bị hại, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] **Về trách nhiệm dân sự:** Anh **Q** người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nữa, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Buộc bị cáo **Chu Đình S** phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm bị cáo có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh **Q** vắng mặt tại phiên Tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND nơi thường trú.

Nơi nhận:

- VKSND Tp Hưng Yên;
- Công an Tp. Hưng Yên;
- UBND phường Minh Khai;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo; bị hại.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồ Quang Lịch